

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ST  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST

Ngày 22-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ánh Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Huy Đồi

2. Ông Nguyễn Thanh Vương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Đồng Việt Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Đinh Văn T**, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1989, tại xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn RT, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Ca Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đinh Văn M (M1) và bà Đinh Thị Đ;

Vợ Đinh Thị S và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Nguyên đơn dân sự:** Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn HM, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn B – Trưởng trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST;

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ủy ban Nhân dân xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn RT, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Như T – Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã ST, huyện ST;

2. Ông Nguyễn Hoài Trung, sinh năm 1973; địa chỉ nơi công tác: Hạt Kiểm lâm huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Anh Phan Ngọc N, sinh năm 1989; nơi công tác: Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Thôn HM, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Phạm Thị Hà C- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 02/2020, Đinh Văn T mang theo rựa và máy cưa đến khu vực rừng tại vị trí lô 3, khoảnh 3, tiểu khu 172 ở thôn RT, xã ST, huyện ST để chặt phá rừng phòng hộ trong thời gian 5 ngày (*03 ngày đầu phát dọn thực bì, dây leo, cây bụi; 02 ngày tiếp theo cưa, chặt phá cây gỗ loại lớn*) để lấy đất canh tác sản xuất.

Ngày 19/3/2020, Hạt Kiểm lâm huyện ST phát hiện, thành lập tổ công tác đến hiện trường, lập biên bản kiểm tra hiện trường, xác định: vị trí rừng bị thiệt hại thuộc lô 3, khoảnh 3, tiểu khu 172, thôn RT, xã ST, huyện ST; số cây rừng bị chặt phá 240 cây trên diện tích 6.797m<sup>2</sup> (Sáu nghìn bảy trăm chín mươi bảy mét vuông), chức năng rừng phòng hộ, do Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi quản lý.

Ngày 12/5/2020, Hạt Kiểm lâm huyện ST đã ban hành Quyết định số 120/QĐ-HKL về trưng cầu Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi giám định đối với diện tích rừng bị thiệt hại. Ngày 03/8/2020, Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi có kết luận số 544/CCKL-GĐTP kết luận: Đinh Văn T đã chặt phá 25 cây keo tai tượng có đường kính gốc trung bình 26.2 cm, chiều dài trung bình 16.2m, 10 cây Dầu rái, có đường kính gốc trung bình 11.4cm, chiều dài trung bình 6.9m, 160 cây gỗ có nguồn gốc tự nhiên có đường kính gốc trung bình 11.4 cm, chiều dài trung bình 6.9 m. Thuộc lô 3, khoảnh 3, tiểu khu 172, thôn RT, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi (*theo Tờ Bản đồ diễn biến rừng năm 2019 huyện ST*). Diện tích rừng bị phá: 5.520m<sup>2</sup> (*Năm ngàn năm trăm hai mươi mét vuông*). Chức năng quy hoạch cho lâm nghiệp: Phòng hộ đầu nguồn. Chủ quản lý (*chủ rừng*): Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi. Khối lượng gỗ bị thiệt hại: 23,444m<sup>3</sup>, trong đó: Gỗ keo: 10,218m<sup>3</sup> Gỗ Dầu rái: 0,4 m<sup>3</sup>; Gỗ có nguồn gốc tự nhiên: 12,826m<sup>3</sup>.

Ngày 09/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện ST Yêu cầu định giá tài sản số 112/CSĐT, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện ST định giá thiệt hại đối với 5.520 m<sup>2</sup> rừng phòng hộ và 23,444m<sup>3</sup> gỗ bị thiệt hại. Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/HĐĐG, ngày 16/9/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện ST Kết luận: Giá quyền sử dụng phòng hộ của 5.520m<sup>2</sup> bị xâm hại thuộc lô 3 khoảnh 3, tiểu khu 172, thuộc thôn RT, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi xảy ra cuối tháng 2/2020 bị thiệt hại là: Giá quyền sử dụng rừng 57.363.443 đồng (*Năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm bốn ba đồng*). Giá trị của 23,444m<sup>3</sup> gỗ (*Hai mươi ba phẩy bốn trăm bốn mươi bốn mét khối*) 6.564.320 đồng (*Sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng*).

Toàn bộ diện tích rừng bị thiệt hại đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Dự án trồng rừng phòng hộ đầu nguồn JBIC theo Quyết định số 2240/QĐ-UB, ngày 12/8/2002. Ngày 14/6/2004, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 154/2004/QĐ-UBND về Phê duyệt quy hoạch phát triển lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2002 – 2010. Ngày 09/8/2004 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ra quyết định số 1871/QĐ-CT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng và chăm sóc rừng phòng hộ đầu nguồn JBIC. Ngày 13/01/2012, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND, giao toàn bộ diện tích rừng này cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham (*nay là Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện SH*) quản lý. Ngày 26/12/2013, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số BR 019910 (vào sổ số CT03960) cho BQL RPHĐN Thạch Nham. Ngày 15/4/2019, toàn bộ diện tích rừng này được giao lại cho BQL RPH tỉnh Quảng Ngãi và do Trạm quản lý, bảo vệ rừng huyện ST trực tiếp quản lý.

Tại cơ quan điều tra Đinh Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Sau khi hành vi phá rừng bị phát hiện, Đinh Văn T đã tự nguyện trồng lại rừng bằng cây gỗ sưa trên diện tích rừng bị thiệt hại. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống trên địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức và am hiểu pháp luật hạn chế. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 522/CT-VKS, ngày 30/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST truy tố bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của BLHS và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đinh Văn T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của BLHS

và căn cứ vào tính chất, nhân thân và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo T Đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo T với mức án từ 20 đến 24 tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”, nhưng cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 của BL TTHS tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cái rựa dài 53cm, cán rựa làm bằng gỗ dài 24cm, đường kính rựa 3,2cm, lưỡi bằng kim loại có mấu bị gãy dài 29cm, nơi rộng nhất của lưỡi 2,5cm; 01 (một) cưa máy, nhãn hiệu STIHL MS 180 3/8 PP chainsaw màu cam, chiều dài thân máy 21cm, chiều rộng thân máy 15,5cm, chiều cao thân máy 15cm; 01 (một) Lưỡi cưa máy bằng kim loại đã qua sử dụng, dài 36 cm, rộng trung bình 6,2cm, dày 0,4cm (bị gỉ sắt); 01 (một) dây xích cưa máy đã qua sử dụng có chiều dài 45cm (bị gỉ sắt)

- Đối với vật chứng: 195 các loại cây đã chặt phá cây Keo, cây Dầu rái và cây rừng có nguồn gốc tự nhiên. Sau khi xác minh làm sáng tỏ vụ việc, cơ quan chức năng đã giao số vật chứng này cho Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST(đại diện chủ rừng) bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 06/10/2020 Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST có Báo cáo số 34/BC-TrQLBVR đề xuất hướng xử lý đối với số tang vật trên bằng hình thức tiêu Hủy. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận việc tiếp tục chăm sóc rừng trong thời gian 04 năm sau đó bàn giao diện tích rừng cho chủ rừng.

Đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có chức năng được phân công quản lý bảo vệ rừng có vi phạm trong chức trách, nhiệm vụ được giao thì đề nghị Cơ quan cảnh sát Điều tra, Công an huyện ST thu thập tài liệu chứng cứ và xử lý sau.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, người bào chữa nêu quan điểm; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng lại cây gỗ sưa trên diện tích rừng bị thiệt hại và đã vận động những người khác cũng tham gia trồng lại rừng mà họ đã hủy hoại, bên cạnh đó mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo T mức hình phạt 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, để bị cáo được chăm sóc diện tích rừng đã khắc phục hậu quả. Đồng thời đề nghị HĐXX xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo T thống nhất với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa người đại diện cho Nguyên đơn dân sự ông Bùi Minh Điệp thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn T khai nhận: Vào cuối tháng 02-2020 bị cáo T sử dụng 01 (một) cái rựa, 01 (một) cưa máy tiến hành chặt phá trái phép rừng Phòng hộ đầu nguồn tại lô 3, khoảnh 3, tiểu khu 172, thôn RT, xã ST, huyện ST. Tổng diện tích bị chặt phá 5.520m<sup>2</sup> (*Năm ngàn năm trăm hai mươi mét vuông*). Tổng số lượng cây bị xâm hại 195 cây (*10 cây Dầu rái, 25 keo và 160 cây gỗ tự nhiên*). Lời khai của bị cáo Đinh Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo Đinh Văn T xâm phạm đến việc quản lý bảo vệ và chăm sóc rừng phòng hộ, biết hủy hoại rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất vụ án*: Khi thực hiện hành vi hủy hoại rừng, bị cáo Đinh Văn T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được việc hủy hoại rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phá rừng phòng hộ để lấy đất sản xuất, diện tích rừng bị chặt phá 5.520m<sup>2</sup> (*Năm nghìn năm trăm hai mươi lăm mét vuông*) đất rừng phòng hộ, Hành vi của bị cáo là thể hiện sự bất chấp quy định của pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, làm xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái. Do đó, cần phải

xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng để răn đe, giáo dục, cũng như để phòng ngừa chung, đồng thời góp phần nâng cao ý thức bảo vệ rừng trong nhân dân.

[4] *Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ:*

+ *Tình tiết tăng nặng:* Không có tình tiết tăng nặng.

+ *Tình tiết giảm nhẹ:* Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đinh Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo mới phạm tội lần đầu; bị cáo là người dân tộc thiểu số, đồng thời bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng hình thức trồng lại cây gỗ sưa khu vực rừng bị phá. Do đó, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và bị cáo cũng đã vận động những người dân khác có vi phạm tham gia trồng lại rừng nên được hưởng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, và xin miễn án phí cho bị cáo theo quy định. Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trên, bị cáo có nhân thân tốt, chỗ ở rõ ràng, lại đang là lao động chính trong gia đình nên hội xét xử thấy rằng không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo nên sẽ áp dụng điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] *Đối với nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, Ủy ban nhân dân xã ST, ông Nguyễn Hoài T (*Kiểm lâm địa bàn*), ông Phan Ngọc N là cá nhân được giao nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ quản lý rừng phòng hộ, tại tiểu khu 172, thôn RT, xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi. Đã thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng lỏng lẻo nên không phát hiện kịp thời khi rừng bị chặt phá. Hội đồng xét xử đề nghị Ủy ban nhân dân huyện ST, Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST, Hạt kiểm lâm huyện ST, UBND xã ST tiến hành đưa ra kiểm điểm nghiêm túc, chấn chỉnh kịp thời nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý và bảo vệ rừng đối với các cơ quan, cá nhân để xảy ra tình trạng phá rừng ở địa phương, tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên đôn đốc kiểm tra đối với những khu vực rừng phòng hộ thuộc sự quản lý của mình.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Đối với việc khắc phục lại diện tích rừng bị thiệt hại bằng hình thức trồng rừng thì bị cáo đã khắc phục và trồng lại rừng. Nguyên đơn dân sự và Bị cáo đã thỏa thuận việc trồng lại và chăm sóc rừng nên không yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thỏa thuận này là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét gì thêm.

[7] *Về xử lý vật chứng:* 01 (một) cái rựa dài 53cm, cán rựa làm bằng gỗ dài 24cm, đường kính rựa 3,2cm, lưỡi bằng kim loại có máu bị gãy dài 29cm, nơi rộng

nhất của lưỡi 2,5cm; 01 (một) cưa máy, nhãn hiệu STIHL MS 180 3/8 PP chainsaw màu cam, chiều dài thân máy 21cm, chiều rộng thân máy 15,5cm, chiều cao thân máy 15cm; 01 cái Lưỡi cưa máy bằng kim loại đã qua sử dụng, dài 36 cm, có chiều rộng trung bình 6,2cm, dày 0,4cm (bị gỉ sắt); 01 dây xích cưa máy đã qua sử dụng có chiều dài 45cm (bị gỉ sắt) là công cụ bị cáo chặt phá rừng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 195 cây, trong đó: 10 cây Dầu rái, 25 cây keo và 160 cây rừng có nguồn gốc tự nhiên. Sau khi xác minh làm rõ vụ việc thì cơ quan chức năng đã giao số vật chứng này cho Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện ST(đại diện chủ rừng) bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Đinh Văn T là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ cận nghèo ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn bị cáo có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử sẽ miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 20 (hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Giao bị cáo Đinh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi nơi bị cáo Đinh Văn T cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã ST, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát và giáo dục bị cáo Đinh Văn T.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về dân sự: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và Nguyên đơn dân sự về việc khắc phục trồng lại rừng và chăm sóc rừng

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 (một) cái rựa dài 53cm, cán rựa làm bằng gỗ dài 24cm, đường kính rựa 3,2cm, lưỡi bằng kim loại có mấu bị gãy dài 29cm, nơi rộng nhất của lưỡi 2,5cm; 01 (một) cưa máy, nhãn hiệu STIHL MS 180 3/8 PP chainsaw màu cam, chiều dài thân máy 21cm, chiều rộng thân máy 15,5cm, chiều cao thân máy 15cm; 01 cái Lưỡi cưa máy bằng kim loại đã qua sử dụng, dài 36 cm, có chiều rộng trung bình 6,2cm, dày 0,4cm (bị gỉ sắt); 01 dây xích cưa máy đã qua sử dụng có chiều dài 45cm (bị gỉ sắt). Đây là công cụ bị cáo chặt phá rừng.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- CQCSĐT Công an huyện ST;
- Cơ quan THAHS huyện ST;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Q.Ngãi;
- UBND xã ST;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Lâm Thị Ánh Tuyết**